



ĐỊNH LUẬT THỨ NHẤT CỦA CHÍNH TRỊ DẦU MỎ

Nguồn: Thomas L. Friedman (2006). “The First Law of Petropolitics”, *Foreign Policy*, No.154 (May/June), pp 28-36.

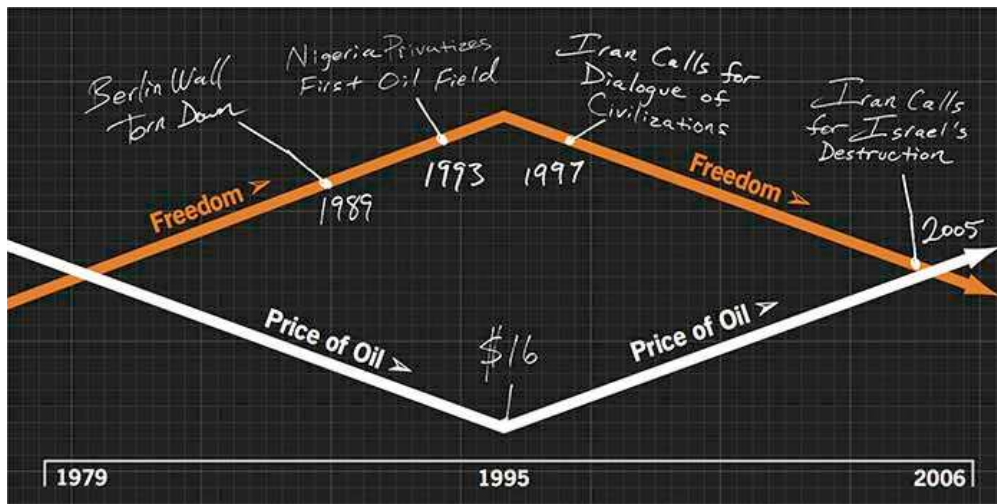
Biên dịch: Trần Nguyễn Hồng Ngọc | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Tổng thống Iran phủ nhận việc Đức Quốc Xã diệt chủng người Do Thái, Hugo Chávez cho rằng các nhà lãnh đạo phương Tây nên xuống địa ngục, còn Vladimir Putin thì đang chủ động lấn lướt. Nguyên nhân từ đâu? Họ hiểu rằng giá dầu và tiến trình tự do luôn chuyển động ngược chiều nhau. Đó là định luật đầu tiên của chính trị dầu mỏ, và nó có thể là tiền đề cho những lý giải về một số đặc điểm trong thời đại của chúng ta.

Khi nghe tin Tổng thống Iran Mahmoud Ahmadinejad tuyên bố cuộc diệt chủng người Do Thái thời Đức Quốc Xã chỉ là một “câu chuyện tưởng tượng”, tôi không thể không nghĩ rằng “Liệu Tổng thống Iran có phát biểu như thế không nếu giá dầu chỉ ở mức 20 đô la thay vì 60 đô la một thùng như hiện nay.” Khi nghe tin Tổng thống Venezuela Hugo Chávez cho rằng cựu Thủ tướng Anh Tony Blair nên “xuống thẳng địa ngục” và phát biểu với những người ủng hộ mình rằng Khu vực Mậu dịch Tự do Châu Mỹ do Mỹ bảo trợ “là đồ bỏ đi”, tôi cũng tự hỏi “Liệu Tổng thống Venezuela có tuyên bố những điều này không nếu giá dầu hiện nay chỉ vào khoảng 20 đô la thay vì 60 đô la một thùng, và đất nước của ông ta phải tự lực phát triển nhờ những doanh nghiệp của riêng mình, chứ không chỉ nhờ mỗi việc khai thác những giếng dầu.”

Khi theo dõi các sự kiện ở vùng Vịnh trong suốt những năm qua, tôi nhận thấy quốc gia Ả Rập đầu tiên ở vùng Vịnh tổ chức bầu cử công bằng và tự do mà theo đó phụ nữ có thể ứng cử và bầu cử, đồng thời là quốc gia Ả Rập đầu tiên cam kết xem xét lại toàn bộ luật lao động để giúp người dân dễ dàng tìm việc và ít phụ thuộc hơn vào lao động nhập khẩu, là

Bahrain. Bahrain lại tình cờ được dự đoán là quốc gia Ả Rập đầu tiên ở vùng Vịnh sớm cạn kiệt nguồn cung dầu mỏ. Đây cũng là nước đầu tiên trong khu vực kí hiệp định mậu dịch tự do với Mỹ. Tôi liền tự hỏi rằng: “Liệu tất cả những điều đó có phải chỉ là một sự ngẫu nhiên hay không?” Và cuối cùng, khi nhìn ra thế giới Ả Rập, và theo dõi các nhà hoạt động dân chủ nổi tiếng ở Li-băng đẩy quân đội Syria ra khỏi đất nước của họ, tôi đã tự nhủ: “Đó có phải là một trùng hợp tình cờ hay không khi mà nền dân chủ thực sự đầu tiên và duy nhất của thế giới Ả Rập lại là nước không có một giọt dầu nào?”

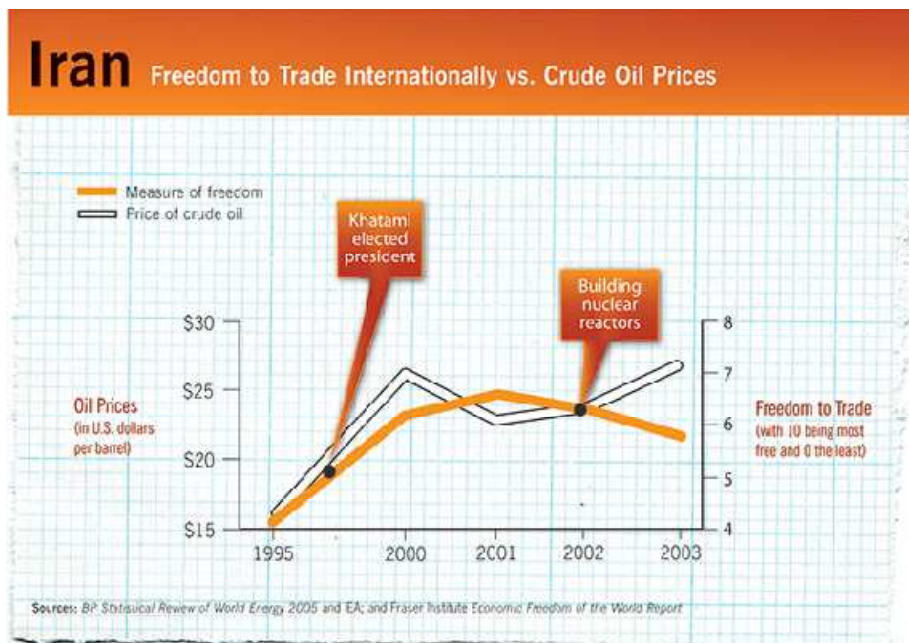


Càng cân nhắc về những câu hỏi này, tôi lại càng nhận thấy được sự tồn tại chắc chắn của mối liên hệ – một sự tương quan hiệu theo nghĩa đen có thể được đo lường và minh họa bằng đồ thị – giữa giá dầu và tiến trình, phạm vi cũng như sự bền vững của tự do chính trị và cải cách kinh tế ở một số quốc gia nhất định. Một vài tháng trước tôi đã gặp và nhờ các biên tập viên của tạp chí *Foreign Policy* xem xét liệu rằng có thể thể hiện những suy nghĩ cảm tính này dưới dạng đồ thị không. Trên một trục chúng ta sẽ biểu thị giá dầu thô trung bình của thế giới, và trục còn lại sẽ là mức độ mở rộng hay thu hẹp tự do cả về kinh tế lẫn chính trị, được xác định theo cách mà các tổ chức nghiên cứu như Freedom House vẫn làm. Chúng ta sẽ dựa vào số liệu từ các cuộc bầu cử tự do và công bằng đã được tổ chức, các tờ báo được mở hay ngưng hoạt động, những vụ bắt giữ người vô cớ tùy tiện, số lượng những nhà cải cách được bầu vào quốc hội, các kế hoạch cải cách kinh tế được thực hiện hay tạm ngưng, các công ty được tư nhân hóa và quốc hữu hóa, v.v...

Chính tôi là người đầu tiên phải thừa nhận rằng đây không phải là một thí nghiệm khoa học, vì sự đi lên hay đi xuống của tự do về kinh tế và chính trị trong một xã hội không bao giờ có thể được định lượng hay hoán đổi với nhau một cách hoàn hảo. Tuy nhiên, vì tôi không phải đang cố gắng để kiếm được một chân giảng dạy hay nghiên cứu, mà chỉ là nhằm chứng minh cho một suy nghĩ cảm tính và khơi dậy tranh luận về điều đó, tôi nghĩ rằng việc cố gắng giải thích mối tương quan giữa giá dầu và tiến trình tự do, thậm chí ngay cả với những khiếm khuyết của nó, vẫn có những giá trị nhất định. Bởi vì trong tương lai gần, việc tăng giá dầu thô chắc chắn là một nhân tố quan trọng hình thành nên các mối quan hệ quốc

tế, cho nên chúng ta phải cố gắng thấu hiểu được bất kỳ sự liên hệ nào có thể có giữa giá dầu với đặc điểm và xu hướng của nền chính trị toàn cầu. Những đồ thị được tập hợp ở đây gọi ra mối liên hệ trực tiếp giữa giá dầu và mức độ tự do – trên thực tế, điều đó rõ ràng đến nỗi tôi thực sự mong muốn bắt đầu cuộc thảo luận bằng việc đưa ra Định luật Thứ nhất của Chính trị dầu mỏ.

Định luật này cho rằng: Giá dầu luôn tỷ lệ nghịch với tiến trình tự do ở những quốc gia nhiều dầu mỏ. Theo Định luật Thứ nhất của Chính trị dầu mỏ, khi giá dầu thô trung bình của thế giới càng lên cao thì quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí, các cuộc bầu cử tự do và công bằng, bộ máy tư pháp độc lập, nền pháp trị, và các đảng chính trị độc lập càng bị mất dần. Và những xu hướng tiêu cực này đang được củng cố bởi một thực tế rằng khi giá dầu càng lên cao thì các nhà lãnh đạo ở các quốc gia dầu mỏ lại càng ít nhạy cảm với những gì thế giới nghĩ hay nói về họ. Ngược lại, cũng theo Định luật này, khi giá dầu càng hạ thấp thì các quốc gia dầu mỏ càng buộc phải hướng đến một hệ thống chính trị và xã hội trong sạch hơn, nhạy cảm hơn với những tiếng nói đối lập, cũng như tập trung hơn vào xây dựng các cấu trúc luật pháp và giáo dục giúp tối ưu hóa năng lực người dân của cả nam giới và nữ giới, nhằm cạnh tranh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư nước ngoài. Khi giá dầu thô càng đi xuống, các nhà lãnh đạo ở các quốc gia dầu mỏ càng chú ý hơn đến những điều mà các lực lượng bên ngoài nghĩ về họ.



Tôi sẽ định nghĩa các quốc gia dầu mỏ ở đây là những quốc gia vừa phụ thuộc vào dầu mỏ như là mặt hàng xuất khẩu chủ lực cũng như đóng góp nhiều nhất vào tổng sản phẩm quốc nội, vừa tồn tại những thể chế nhà nước yếu kém hoặc chính quyền lãnh đạo độc đoán. Những quốc gia dầu mỏ tiêu biểu như trên có thể kể đến là Azerbaijan, Angola, Chad, Ai Cập, Guinea Xích đạo, Iran, Kazakhstan, Nigeria, Nga, Ả Rập Xê Út, Sudan, Uzbekistan, và Venezuela. (Các quốc gia có nguồn dầu thô dồi dào nhưng đã tồn tại vững chắc từ lâu với

các thể chế dân chủ bền vững và nền kinh tế đa dạng trước khi nguồn dầu của họ được phát hiện, ví dụ như Anh, Na Uy, Mỹ, thì không chịu tác động của Định luật Thứ nhất của Chính trị dầu mỏ.)

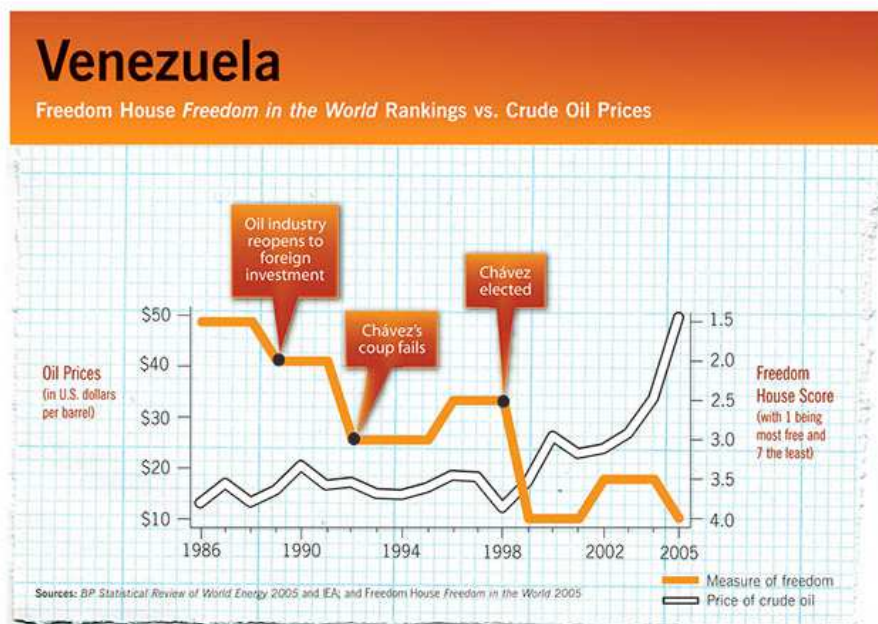
Một điều chắc chắn là các chuyên gia kinh tế từ lâu đã chỉ ra một cách khái quát những tác động tiêu cực về kinh tế và chính trị mà sự giàu có về tài nguyên thiên nhiên có thể ảnh hưởng đến một quốc gia. Hiện tượng này đã được gọi theo nhiều tên khác nhau là “căn bệnh Hà Lan” (Dutch Disease) hay “lời nguyền tài nguyên” (resource curse). “Căn bệnh Hà Lan” là thuật ngữ để chỉ quá trình phi công nghiệp hóa, kết quả của những khoản thu nhập to lớn bất thành linh từ tài nguyên thiên nhiên. Thuật ngữ ra đời tại Hà Lan vào những năm 1960, sau khi người ta phát hiện được những mỏ khí tự nhiên với trữ lượng rất lớn ở quốc gia này. Hiện tượng xảy ra ở các nước mắc phải “căn bệnh Hà Lan” nói một cách ngắn gọn là việc đồng nội tệ ở những nước này tăng giá vì nguồn thu ngoại tệ đột ngột chảy vào nhờ xuất khẩu dầu mỏ, vàng, khí đốt, kim cương hay các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. Kết quả là những mặt hàng công nghiệp xuất khẩu không còn khả năng cạnh tranh, trong khi hàng nhập khẩu thì giảm giá còn rất rẻ. Người dân khi đã rủng rỉnh tiền trong túi bắt đầu đổ xô mua hàng nhập khẩu, khiến ngành công nghiệp trong nước trở nên chết yểu, và quá trình phi công nghiệp hóa xảy ra. Thuật ngữ “lời nguyền tài nguyên” nói về hiện tượng kinh tế tương tự, cũng như rộng hơn là cách thức mà sự phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên phá hỏng nền chính trị và các ưu tiên về đầu tư và giáo dục của một đất nước. Khi đó tất cả sẽ xoay quanh việc ai kiểm soát “van dầu” và ai được chia bao nhiêu phần của cái bánh, chứ không phải là làm thế nào để cạnh tranh, cải tiến và sản xuất ra sản phẩm thực cho thị trường thực.

Bên cạnh những lý thuyết tổng quát này, một số nhà chính trị học cũng đã tìm hiểu cách thức mà trữ lượng dầu mỏ dồi dào có thể làm đảo ngược hay xói mòn các xu hướng dân chủ hoá. Một trong những phân tích rõ ràng nhất về vấn đề này mà tôi được tiếp cận là nghiên cứu của nhà khoa học chính trị Michael L. Ross tại trường Đại học California (Los Angeles). Sử dụng phân tích thống kê từ 113 quốc gia trong giai đoạn từ 1971 đến 1997, Ross đã rút ra kết luận rằng “sự phụ thuộc vào xuất khẩu dầu mỏ hay các khoáng sản khác có xu hướng khiến cho một quốc gia trở nên ít dân chủ hơn, trong khi việc xuất khẩu các sản phẩm cơ bản khác lại không gây ra hệ quả như thế; hiện tượng này hoàn toàn không chỉ giới hạn ở bán đảo Ả Rập, khu vực Trung Đông, hay vùng phía Nam sa mạc Sahara, và cũng không chỉ xảy ra ở các quốc gia nhỏ (mà còn ở cả các nước lớn).”

Theo tôi, điều đặc biệt hữu ích trong phân tích của Ross là danh sách các cơ chế rõ ràng mà theo đó nguồn thu nhập khổng lồ từ dầu mỏ đã làm hạn chế nền dân chủ. Đầu tiên, Ross lập luận rằng tồn tại một “hiệu ứng thuế”. Chính phủ của các nước nhiều dầu mỏ thường sử dụng những khoản thu nhập của mình vào việc “làm giảm các sức ép xã hội, vốn có thể dẫn tới những đòi hỏi lớn hơn về trách nhiệm giải trình” từ chính quyền, hoặc phải đưa đại diện của người dân vào các cơ quan quyền lực. Nếu là tôi, tôi sẽ trình bày luận điểm

ấy như sau: Khẩu hiệu của cuộc Cách mạng Mỹ là “không đóng thuế nếu không có đại diện” (no taxation without representation).¹ Những nhà cầm quyền độc tài của các quốc gia dầu mỏ lại biến khẩu hiệu này thành “không phải đóng thuế thì không có đại diện” (no presentation without taxation). Để tồn tại, các chế độ dựa vào dầu mỏ không cần bắt người dân đóng thuế, bởi vì họ chỉ cần lấy thu nhập từ dầu mỏ để bù vào khoản thiếu hụt này, và theo đó họ cũng không cần lắng nghe ý kiến nhân dân hay đại diện cho mong muốn của nhân dân.

Ross gọi cơ chế tác động thứ hai của dầu mỏ khiến việc dân chủ hóa bị hạn chế là “hiệu ứng chi tiêu”. Nguồn thu nhập từ dầu mỏ giúp chính phủ tăng các khoản chi tiêu tạo thành mạng lưới quan hệ bảo trợ, và nhờ đó giảm được áp lực dân chủ hoá. Cơ chế tác động thứ ba mà ông chỉ ra được gọi là “hiệu ứng nhóm xã hội”. Khi lợi nhuận từ dầu mỏ mang đến cho nhà nước độc tài nguồn thu rủng rỉnh, chính quyền có thể dùng lượng của cải vừa thu được đó để ngăn chặn sự hình thành các tổ chức xã hội độc lập – các nhóm hoạt động thường đòi hỏi quyền lợi chính trị tích cực nhất. Ngoài ra, Ross còn khẳng định rằng các khoản thu vượt trội từ dầu mỏ có thể tạo ra “hiệu ứng đàn áp”, bởi vì chúng cho phép chính quyền có thể thoải mái cung cấp tiền cho lực lượng cảnh sát, an ninh trong nước và cơ quan tình báo nhằm đàn áp các phong trào dân chủ. Cuối cùng, Ross nhắc đến một tác động nữa gọi là “hiệu ứng hiện đại hoá”. Nguồn thu khổng lồ từ dầu mỏ có thể làm giảm bớt áp lực xã hội về chuyên môn hóa nghề nghiệp, đô thị hoá, và nâng cao trình độ học vấn – các xu hướng thường đi cùng với phát triển kinh tế, đồng thời tạo ra một cộng đồng người dân gắn kết, có khả năng tổ chức, thương lượng và giao tiếp tốt hơn, cũng như có thể tạo ra những trung tâm quyền lực kinh tế riêng độc lập với chính quyền.

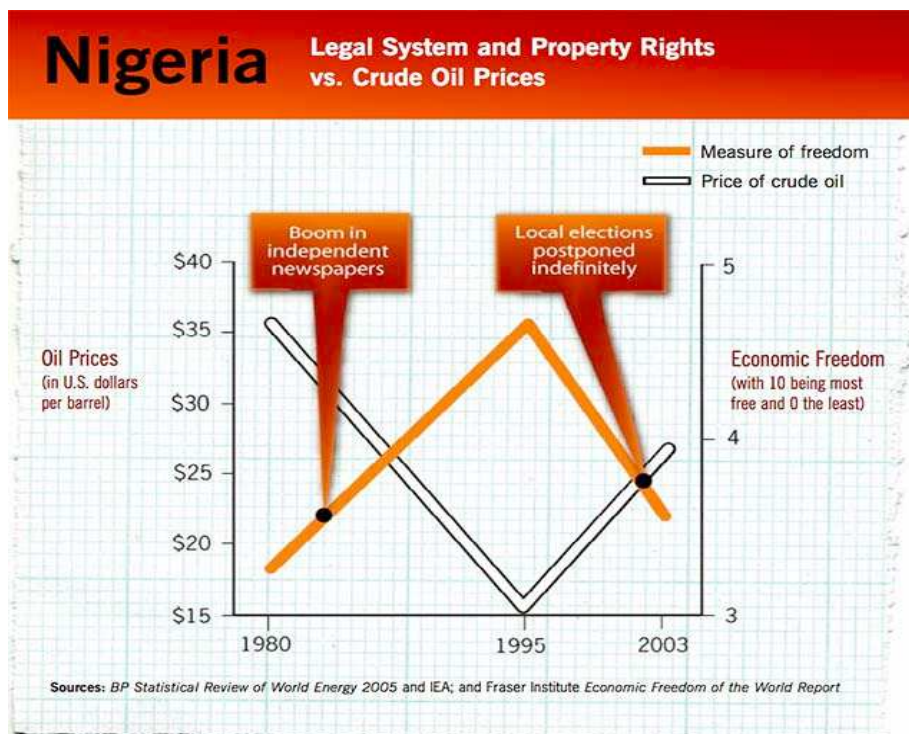


¹ Khẩu hiệu “No taxation without representation” này được đưa ra bởi người dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ những năm 1750 và 1760. Theo đó, người dân Bắc Mỹ cho rằng họ không có đại diện trong Quốc hội Anh nên họ không có nghĩa vụ phải đóng thuế cho chính phủ Anh (chú thích của người hiệu đính).

Định luật Thứ nhất của Chính trị dầu mỏ cố gắng hình thành dựa trên những luận điểm như thế, nhưng đồng thời cũng nhằm nâng mối tương quan giữa dầu mỏ với chính trị lên một bước cao hơn. Điều tôi đang lập luận ở đây là sự phụ thuộc quá nhiều vào dầu thô không chỉ có thể là một “lời nguyền” đối với sự phát triển của đất nước nói chung, mà thực tế chúng ta còn có thể chỉ ra mối tương quan giữa sự tăng hay giảm giá dầu với sự đi lên hay đi xuống của tiến trình dân chủ ở các quốc gia dầu mỏ. Mối liên hệ này là một thực tế. Như các đồ thị đã cho thấy, tiến trình tự do lập tức bị giảm xuống khi giá dầu thực sự bắt đầu tăng.

Trục dầu mỏ?

Lí do mà mối liên hệ giữa giá dầu và tiến trình tự do ngày nay cần được nghiên cứu là vì dường như chúng ta đang chứng kiến quá trình giá dầu thô của thế giới bắt đầu đi lên mạnh mẽ. Nếu đúng như thế, mức giá cao này gần như chắc chắn sẽ có những tác động dài hạn đến đặc điểm của nền chính trị ở các nước yếu hay độc tài. Điều đó tới lượt nó có thể sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình thế giới sau Chiến tranh Lạnh như chúng ta đã và đang chứng kiến. Nói một cách khác, tin tức giá dầu thô hiện nay không chỉ là vấn đề lo lắng của riêng Bộ trưởng Tài chính Mỹ, mà còn là mối quan tâm của cả ngài Ngoại trưởng nữa.



Sau vụ khủng bố ngày 11 tháng 9, giá dầu thế giới đã đều đặn tăng mạnh từ mức 20-40 đô la lên mức 40-60 đô la một thùng. Một phần nguyên nhân của việc tăng giá chịu tác động từ cảm giác bất an chung trên thị trường dầu mỏ thế giới vì những vụ bạo lực bùng phát ở Iraq, Nigeria, Indonesia và Sudan; nhưng hơn thế nữa là kết quả của hiện tượng mà tôi gọi là “quá trình làm phẳng thế giới,” và sự tham gia ào ạt vào thị trường thế giới của 3 tỷ

người tiêu dùng mới từ Trung Quốc, Brazil, Ấn Độ và Liên Xô cũ, khi mà tất cả đều mơ đến một tương lai có nhà ở, ô tô, tủ lạnh và lò vi sóng. Nhu cầu năng lượng đang tăng lên này là khổng lồ và điều này đã, đang và sẽ tiếp tục gây áp lực lên giá dầu. Nếu phương Tây không có những biện pháp tiết kiệm năng lượng triệt để, cũng như nếu không tìm được nguồn thay thế cho nhiên liệu hóa thạch, thì trong tương lai gần giá dầu sẽ giữ ở mức 40-60 đô la, và có thể còn cao hơn nữa.

Từ góc nhìn chính trị, điều đó có nghĩa là một loạt quốc gia dầu mỏ với các thể chế yếu kém hoặc các chính quyền độc tài rất có khả năng sẽ phải đối mặt với tình trạng xói mòn tự do, cũng như sự gia tăng tham nhũng và các hành vi độc tài, phi dân chủ của nhà cầm quyền. Lãnh đạo của các quốc gia này có thể hi vọng vào sự gia tăng đáng kể nguồn thu nhập có sẵn để tăng cường lực lượng an ninh, mua chuộc các đối thủ, mua phiếu của cử tri hay sự ủng hộ của công chúng, cũng như chống lại các tiêu chuẩn và quy tắc quốc tế. Chỉ cần lướt qua bất kỳ tờ báo nào vào bất cứ ngày nào trong tuần, ta cũng có thể thấy các bằng chứng của xu hướng đó.

Lấy thí dụ một bài viết đăng vào tháng 2 năm 2005 trên tờ *Wall Street Journal*. Bài viết kể lại chuyện các giáo chủ ở Tehran vốn nhận được rất nhiều tiền từ việc dầu thô tăng giá đã quay lưng với các nhà đầu tư nước ngoài thay vì trải thảm đỏ mời họ vào như thế nào. Bài báo có nhắc đến việc hãng điện thoại di động của Thổ Nhĩ Kỳ là Turkcell đã kí hợp đồng với Tehran để thành lập công ty điện thoại di động tư nhân đầu tiên tại nước này. Vụ làm ăn quả thật rất hấp dẫn: Turkcell đồng ý trả cho Iran 300 triệu đô la để được cấp phép thành lập với vốn đầu tư 2,25 tỉ đô la vào dự án, tạo ra 20 nghìn việc làm cho người dân Iran. Nhưng các giáo chủ trong Quốc hội Iran đã tìm cách đóng băng hợp đồng, viện cớ rằng gián điệp nước ngoài sẽ lợi dụng mạng di động để theo dõi nước này. Ali Ansari, một chuyên gia về Iran thuộc trường Đại học Saint-Andrew (Scotland) kể với tờ báo rằng các nhà phân tích Iran đã luôn kêu gọi cải cách kinh tế trong suốt cả chục năm qua. “Nhưng trên thực tế tình hình ngày càng xấu đi”, Ali nói. “Họ đã có tiền từ giá dầu mỏ tăng cao và chẳng cần làm gì để cải cách kinh tế cả.”

Hoặc theo một bài báo khác nhận định về Iran trên tờ *The Economist* ngày 11 tháng 2 năm 2006: “Tinh thần dân tộc dễ dàng nảy sinh hơn trên những cái dạ dày đã no căng. Ahmadinejad là một Tổng thống may mắn hiếm có, người trông chờ nhận được khoản thu ngân sách 36 tỉ đôla từ xuất khẩu dầu mỏ trong năm tới theo lịch Iran, và giúp ông ta mua được lòng trung thành của người dân. Trong dự thảo ngân sách đầu tiên đang được quốc hội xem xét, chính phủ đã hứa sẽ xây dựng 300 nghìn căn nhà mà hai phần ba trong số đó nằm ngoài các thành phố lớn, cũng như giữ nguyên mức trợ cấp năng lượng vốn đã chiếm đến 10% tổng sản phẩm quốc nội.”

Hay xem xét tình hình đang diễn ra ở Nigeria. Nước này quy định tổng thống chỉ được nắm quyền tối đa là hai nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ 4 năm. Tổng thống Olusegun Obasanjo nhậm chức vào năm 1999, sau giai đoạn cầm quyền của quân đội, và sau đó tái đắc cử trong

cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu vào năm 2003. Từ khi giành quyền lãnh đạo từ tay các tướng lĩnh, Obasanjo đã gây chú ý bằng việc cho tiến hành điều tra các vụ vi phạm nhân quyền của quân đội Nigeria, cho thả các tù nhân chính trị và thậm chí còn cố gắng thực sự để loại bỏ tệ nạn tham nhũng. Khi đó, giá dầu vào khoảng 25 đô la một thùng. Hiện nay, khi giá dầu ở mức 60 đô la một thùng, Obasanjo đang cố gắng thuyết phục quốc hội thay đổi hiến pháp để cho phép ông ta có thể cầm quyền thêm một nhiệm kỳ thứ ba nữa.

Wunmi Bewaji, lãnh đạo phe đối lập trong Hạ viện Nigeria, cho biết các nhà làm luật đã được đề nghị khoản hồi lộ trị giá 1 triệu đô la nhằm đổi lấy việc đồng ý thông qua sửa đổi hiến pháp để kéo dài thời gian cầm quyền của Obasanjo. “Hiện nay người ta đang đề nghị 1 triệu đô la một phiếu”, *VOA News* đã dẫn lại câu nói của Bewaji trong một bài viết đề ngày 11 tháng 3 năm 2006. “Và chính các quan chức cấp cao tại Thượng và Hạ viện đã phối hợp với nhau làm việc đó.”

Clement Nwankwo, một trong những người dẫn đầu chiến dịch đấu tranh vì nhân quyền ở Nigeria, trong lần đến thăm Washington vào tháng 3 vừa qua khi giá dầu bắt đầu leo thang đã kể cho tôi nghe rằng “các quyền tự do công dân đã suy giảm nghiêm trọng, việc bắt người diễn ra một cách rất tùy tiện, nhiều nhân vật đối lập bị giết, và các thể chế dân chủ bị phá hỏng.” Ông còn nói thêm, dầu mỏ chiếm đến 90% xuất khẩu của Nigeria, và điều đó phần nào giải thích sự gia tăng một cách đột biến số vụ bắt cóc công nhân nước ngoài tại thung lũng nhiều mỏ dầu Niger. Nhiều người Nigeria tin rằng những người nước ngoài hẳn là đang ăn cắp “vàng đen” của họ, vì chỉ có một phần rất ít trong số thu nhập khổng lồ đó đến được với tay người dân.

Tại các quốc gia dầu mỏ, thường không chỉ là toàn bộ nền chính trị chủ yếu xoay quanh việc người kiểm soát van dầu là ai, mà nhận thức của người dân về phát triển cũng trở nên méo mó sai lệch. Nếu người dân nghèo đói mà quan chức lại giàu có thì đó không phải là do chính phủ đã không đẩy mạnh giáo dục, cải cách, nền pháp trị và khả năng kinh doanh. Đây là bởi vì một số người nào đó đang được nhận tiền từ dầu mỏ, còn họ thì không. Người dân bắt đầu nghĩ rằng muốn trở nên giàu có thì phải ngăn chặn những người ăn cắp dầu của đất nước, chứ không phải là xây dựng một xã hội biết đầu tư cho giáo dục, cải cách và kinh doanh. “Nếu Nigeria không có dầu mỏ thì toàn bộ phương trình chính trị sẽ khác hẳn”, Nwankwo nói. “Thu nhập sẽ không đến từ dầu mỏ, do đó việc đa dạng hóa nền kinh tế sẽ là một vấn đề cấp bách và doanh nghiệp tư nhân sẽ đóng vai trò quan trọng hơn, đồng thời người dân cũng sẽ phải phát triển khả năng sáng tạo của mình”.

Quả thật, mối liên hệ giữa giá dầu và tiến trình tự do chặt chẽ đến nỗi tại một số quốc gia ngay cả các nhà lãnh đạo biết nhìn xa trông rộng cũng có thể đi lạc ra khỏi con đường cải cách kinh tế và chính trị một khi giá dầu tăng đột ngột. Hãy xem xét trường hợp của Bahrain, nước này biết rằng dầu mỏ của họ đang cạn kiệt và trở thành một thí dụ điển hình về việc giảm thu nhập từ dầu mỏ có thể khuyến khích công cuộc cải cách như thế nào. Nhưng nước này cũng không thể đứng vững trước sức quyến rũ của việc dầu mỏ tăng giá.

“Mọi việc hiện nay đang rất tốt vì giá dầu tăng cao. Điều này có thể khiến các quan chức cảm thấy tự mãn”, Jasim Husain Ali, trưởng bộ phận nghiên cứu kinh tế của trường Đại học Bahrain đã nói như thế trong bài phỏng vấn với tờ *Gulf Daily News* số ra gần đây. “Đó là một xu hướng rất nguy hiểm vì thu nhập từ dầu mỏ là không bền vững. Sự đa dạng hóa nền kinh tế của Bahrain có thể là đã đủ theo tiêu chuẩn của vùng Vịnh, nhưng với tiêu chuẩn quốc tế thì chưa.” Tôi cũng không lấy làm ngạc nhiên khi một nhà báo trẻ người Iran lúc đi dạo với tôi ở Tehran từng tâm sự: “Nếu chúng tôi không có dầu mỏ thì có thể chúng tôi đã giống như Nhật Bản rồi.”

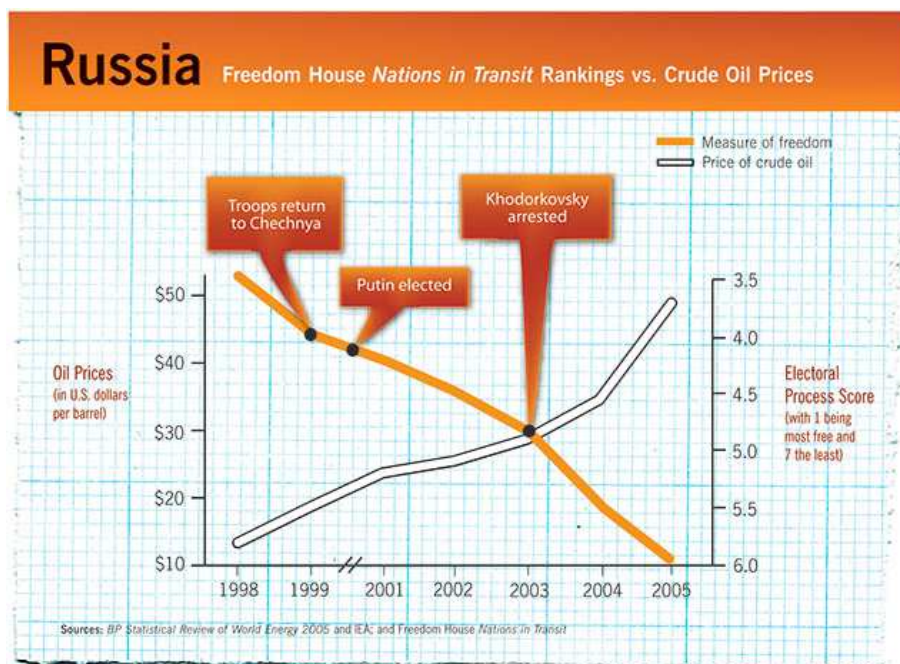
Địa chất quan trọng hơn tư tưởng

Dù rất kính trọng Ronald Reagan nhưng tôi vẫn không tin rằng chính ông ta đã hạ bệ được Liên Xô. Tất nhiên là có nhiều nguyên nhân khiến Liên Xô tan rã, tuy nhiên sự sụt giảm giá dầu trên thị trường thế giới vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990 chắc chắn đã đóng một vai trò chủ chốt. (Khi Liên Xô chính thức sụp đổ vào Giáng sinh năm 1991, giá dầu lúc đó dao động ở mức 17 đô la một thùng.) Việc giá dầu tiếp tục hạ xuống chắc chắn cũng đã buộc chính phủ hậu cộng sản của Boris Yeltsin đi theo hướng xây dựng nền pháp trị, cởi mở hơn với thế giới bên ngoài, và nhạy cảm hơn với các cấu trúc pháp lý mà các nhà đầu tư quốc tế đòi hỏi. Và sau đó Tổng thống Putin lên nắm quyền. Hãy suy nghĩ về sự khác biệt giữa Putin trong giai đoạn giá dầu là 20-40 đô la và Putin hiện nay khi mà giá dầu đã tăng vọt lên mức 40-60 đô la một thùng. Khi giá dầu ở mức 20-40 đô la, tôi xin gọi ông lúc đó là “Putin thứ nhất”. Tổng thống Bush, sau cuộc gặp lần đầu tiên vào năm 2001, nói rằng ông đã nhìn vào “tâm hồn” của Putin và thấy ở đó một người có thể tin tưởng được. Nếu Bush nhìn vào tâm hồn của Putin ngày hôm nay, “Putin thứ hai” – Putin của mức giá dầu 60 đô la một thùng – thì ông sẽ thấy ở đó một mảng đen, đen như dầu mỏ vậy. Ông sẽ thấy rằng Putin đã lợi dụng nguồn lợi nhuận dầu mỏ như từ trên trời rơi xuống để nuốt chửng (quốc hữu hoá) tập đoàn dầu mỏ khổng lồ của Nga, Gazprom, hàng loạt tờ báo và đài truyền hình, cũng như tất cả các hình thức công ty và những thể chế đã từng tồn tại độc lập khác.

Khi giá dầu ở vào mức thấp nhất trong những năm đầu thập niên 1990, ngay cả các quốc gia dầu mỏ Ả Rập như Kuwait, Ả Rập Xê Út, Ai Cập, vốn là những nước có nguồn dự trữ khí rất lớn, ít nhất cũng đã đề cập đến cải cách kinh tế, nếu không nói là từng bước thực hiện cải cách chính trị. Tuy nhiên, ngay khi giá dầu bắt đầu leo thang, toàn bộ quá trình cải tổ lập tức chậm lại, đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị.

Cùng với việc các quốc gia dầu mỏ ngày càng tích lũy thêm nhiều của cải, họ hoàn toàn có khả năng làm biến dạng toàn bộ hệ thống quốc tế và đặc điểm cơ bản của thế giới hậu Chiến tranh lạnh. Sau khi Bức tường Berlin sụp đổ, mọi người đều cùng tin tưởng rằng đây là khởi đầu của một làn sóng phát triển không thể ngăn chặn được của thị trường tự do và dân chủ hoá. Sự lan rộng trên khắp thế giới của những cuộc bầu cử tự do trong thập kỉ

tiếp theo đã tạo ra cảm giác rằng đó là một làn sóng thực sự. Nhưng hôm nay, xu thế đó đang gặp phải một làn sóng đối đầu không được mong đợi của chủ nghĩa độc tài dầu mỏ, nảy sinh và phát triển từ mức giá dầu 60 đô la một thùng. Đột nhiên, các chế độ như ở Iran, Nigeria, Nga và Venezuela bắt đầu rút ra khỏi xu thế đã từng được tưởng như là tiến trình dân chủ hoá không thể nào ngăn chặn, khi những nhà lãnh đạo chuyên quyền được người dân bầu lên ở mỗi nước sử dụng lượng của cải bất ngờ từ dầu mỏ này để củng cố quyền lực, mua trọn cả những người ủng hộ lẫn đối lập, tăng cường sự xâm lấn của nhà nước vào khu vực tư nhân sau khi nhiều người từng nghĩ rằng (vai trò của) nhà nước đã vĩnh viễn lùi sâu vào quá khứ. Làn sóng dân chủ hoá không thể ngăn chặn được theo sau sự sụp đổ của Bức tường Berlin nay dường như đã gặp phải đối thủ xứng tầm trong làn sóng đen của chủ nghĩa độc tài dầu mỏ.



Mặc dù chủ nghĩa độc tài dầu mỏ không đại diện cho mối đe dọa to lớn về mặt tư tưởng và chiến lược đối với phương Tây như chủ nghĩa cộng sản trước đây, nhưng tác động lâu dài của nó cũng có khả năng phá vỡ sự ổn định của thế giới. Không những một số chế độ tồi tệ nhất thế giới sẽ có thêm nguồn tiền để làm những việc đen tối nhất trong một thời gian dài hơn bao giờ hết, mà một số quốc gia dân chủ tử tế như Nhật Bản và Ấn Độ sẽ buộc phải quy lụy hay nhắm mắt làm ngơ trước những hành động của các chế độ độc tài dầu mỏ, chẳng hạn như Iran và Sudan, bởi vì họ chịu phụ thuộc quá nhiều vào nguồn dầu mỏ của những nước này. Việc đó sẽ chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp cho sự ổn định thế giới.

Xin nhấn mạnh một lần nữa, tôi biết mối tương quan mà những đồ thị này chỉ ra là không thật hoàn hảo, và đương nhiên nhiều độc giả có thể dẫn ra những ngoại lệ khác. Nhưng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng chúng cho thấy một xu hướng chung được phản ánh trong các bản tin thời sự hàng ngày: Sự gia tăng giá dầu có ảnh hưởng tiêu cực đến tiến trình

tự do tại nhiều nước, và khi số lượng các quốc gia chịu tác động tiêu cực này đủ lớn thì họ sẽ bắt đầu đầu độc nền chính trị thế giới.

Dù không thể gây ảnh hưởng đến nguồn cung dầu mỏ ở bất kì quốc gia nào, nhưng chúng ta có thể tác động lên giá dầu thế giới bằng cách thay đổi số lượng và hình thức năng lượng mà chúng ta tiêu thụ. Khi nói “chúng ta”, tôi đặc biệt có ý nói đến nước Mỹ nói riêng, nước tiêu thụ khoảng 25% năng lượng toàn cầu, cũng như các nước nhập khẩu dầu mỏ nói chung. Việc suy nghĩ làm thế nào để thay đổi mô hình tiêu thụ năng lượng nhằm góp phần làm hạ giá dầu không chỉ đơn giản là một sở thích của các nhà bảo vệ môi trường cao cả hay vấn đề lương tâm của một ai nữa. Hiện nay, đây là nhu cầu khẩn thiết về an ninh quốc gia.

Như vậy, bất kì chiến lược quảng bá dân chủ nào của Mỹ sẽ hoàn toàn vô nghĩa và nhất định thất bại nếu không bao gồm cả các chiến lược đáng tin cậy và bền vững nhằm tìm ra những nguồn năng lượng thay thế cho dầu mỏ và làm giảm giá dầu thô. Điều quan trọng bây giờ không phải là bạn ủng hộ chính sách đối ngoại nào, mà là chúng ta phải suy nghĩ như những nhà “Địa Môi trường” (Geo-Green). Bạn không thể nào trở thành một nhà hiện thực trong chính sách đối ngoại hay một nhà lý tưởng thúc đẩy dân chủ hiệu quả nếu không đồng thời là một nhà môi trường tiết kiệm năng lượng hiệu quả.

Thomas L. Friedman là một cây bút của tờ New York Times và là tác giả của tác phẩm gần đây nhất Thế giới phẳng: Tóm lược lịch sử thế kỷ 21 [The World Is Flat: A Brief History of the Twenty-First Century] (New York: Farrar, Straus & Giroux, 2005).

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.